TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do –Hạnh phúc

Bản án số: 04/2021/DS-ST
Ngy: 25/3/2021
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và huê hụi* "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LA GI

Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Tạ Liễu**

Các Hội Thẩm Nhân Dân: Ông **Dương Quang Khai** và ông **Nguyễn Văn Quang**

Thư ký phiên tòa: Bà **Đào Thị Yến Nhi**– Thư ký Tòa án.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã L tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Xuân** – Kiểm sát viên.

Trong Ngy 25/3/2021, tại trụ sở TAND thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số 197/2020/DSST Ngy 15/12/2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp huê hụi" Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST-DS Ngy 22/02/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST-DS Ngy 09/3/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị M**, sinh năm: 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Tam Tân, xã Tân Tiến, thị xã L, Bình Thuận

Bị đơn: Bà **Huỳnh Thị T**, sinh năm: 1980 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn Tam Tân, xã Tân Tiến, thị xã L, Bình Thuận.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Ngọc Ng, sinh năm 1975 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn Tam Tân, xã Tân Tiến, thị xã L, tỉnh Bình Thuận

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện Ngy 04/11/2020 và tại phiên Tòa nguyên đơn trình bày:

Bà và bà Huỳnh Thị T có mối quan hệ bà con, do bà T cần tiền làm ăn nên bà có cho bà T nhiều lần vay tiền cụ thể:

Lần 1. Ngy 16/9/2017 bà T vay của bà 100 triệu đồng

Lần 2. Ngy 11/02/2018 bà T vay của bà 100 triệu đồng

Lần 3. Ngy 12/2/2018 bà T vay của bà 100 triệu đồng

Lần 4. Ngy 15/2/2018 bà T vay của bà 50 triệu đồng

Ngoài ra năm 2018 bà T có chơi một phần huê hụi do bà là chủ, mỗi tháng đóng 10 triệu đồng, sau khi vào chơi bà T đã hốt huê nhưng không đóng lại cho bà 06 kỳ huê chết tương ứng với số tiền 60 triệu đồng. Tổng cộng hai khoảng, bà T nợ của bà là 410 triệu, bà T đã trả cho bà được 50 triệu, hiện còn nợ của bà 360 triệu. Tuy nhiên vì là chổ bà con nên tòan bộ số nợ hai bên không làm giấy tờ gì do đó bà không có tài liệu chứng minh gửi cho tòa án. Quá trình hòa giải bà T chỉ thừa nhận vay của bà số tiền là 210 triệu và số nợ huê 40 triệu, tổng cộng hai khoảng là 250 triệu bà cũng đồng ý chấp nhận vì bà không có tài liệu chứng minh bà yêu cầu bà T phải có trách nhiệm trả cho bà.

Bị đơn bà Huỳnh Thị T trình bày: Bắt đầu từ năm 2014, bà M có gửi tiền cho bà làm ăn, hàng tháng trả lãi cho bà M, 100 triệu lãi trả 3triệu/ 1 tháng. Tổng sau nhiều lần bà vay là 210 triệu, bà đã trả cho bà M được 150 triệu cụ thể số tiền bà trả như sau;

Năm 2018, bà M rủ bà chơi 01 phần huê, hàng tháng đóng 10 triệu/ 1 tháng/ 1 phần. Tổng cộng gồm 16 người chơi, hốt chót 150 triệu, sau khi vào huê, bà hốt đầu tiên được số tiền là 135 triệu. Số tiền này bà M cấn trừ vào số nợ 210 triệu. Cùng trong Ngy hốt huê bà có trả cho bà M 15 triệu nữa. Tổng cộng bà trả 150 triệu đồng.

Số nợ huê chết: Sau khi hốt huê thì bà phải đóng lại 15 kỳ huê chết với số tiền 150 triệu đồng, nhưng bà xác định mới đóng cho bà M 11 kỳ với số tiền là 110 triệu. Bà xác định số nợ huê trước bà M là 40 triệu.

Tổng cộng bà xác định hiện nay còn nợ bà M 100 triệu, trong đó có tiền vay là 60 triệu, tiền huê là 40 triệu. Toàn bộ số nợ nêu trên giữa bà và bà M chỉ thỏa thuận miệng không là giấy tờ gì.

Với số nợ trên bà đề nghị, số tiền bà vay và nợ huê là dùng để mua đất và sử dụng cho mục đích chung của gia đình bà với ông Ng trong thời kỳ hôn nhân, do đó bà đề nghị buộc ông Ng phải cùng bà trả nợ cho bà M mỗi người 50% số nợ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc Ng trình bày: Ông không biết bà Huỳnh Thị T vay tiền của bà Trần Thị M do đó ông không đồng ý cùng bà T hoàn trả nợ cho bà M.

Đại diện VKSND thị xã L tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa HĐXX, những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng, những người tham gia tố tụng nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định. Bị đơn đã được Tòa án niêm yết hợp lệ quyết định xét xử nhưng không đến phiên tòa , ông Ng có đơn xin vắng mặt do đó đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Về nội dung: Theo đơn khởi kiện bà M yêu cầu bà T phải nợ vay là 410 triệu, bà T mới trả cho bà 50 triệu còn lại 360 triệu. Tuy nhiên bà M tự nguyện rút một phần yêu cầu chỉ yêu cầu bà T trả tiền vay 210 triệu, tiền huê hụi 40 triệu. Tổng cộng hai khoảng nợ là 250 triệu. Bị đơn khai đã trả cho nguyên đơn 110 triệu nhưng không có tài liệu chứng minh, nguyên đơn thừa nhận trả 50 triệu do đó đề nghị HĐXX xác định bà T đã trả nợ cho bà M số tiền 50 triệu. Tại phiên tòa bà M không đồng ý trừ 50 triệu tiền đã trả do đó đề nghị HĐXX

chấp nhận một phần yêu cầu buộc bà T trả cho bà M số tiền 200 triệu, không chấp nhận yêu cầu 50 triệu, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà T.

Về án phí, đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy;

[1] Về thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn kiện bị đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả tiền vay là 210 triệu, tiền huê hụi 40 triệu. Bị đơn có địa chỉ tại, thị xã L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L theo quy định tại điều 26, 35 và 39 của BLTTDS năm 2015. Bị đơn đã được Tòa án niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt nên Tòa án cần đưa vụ án ra xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ lời khai của bị đơn và sự thống nhất của nguyên đơn tại phiên tòa cho thấy: Bắt đầu từ năm 2014, giữa nguyên đơn và bị đơn đã có quan hệ vay mượn tiền. Theo đó nguyên đơn cho bị đơn vay tiền nhiều lần, hiện bị đơn đã xác nhận vay của nguyên đơn số tiền là 210 triệu đồng.

Về số nợ huê hụi: Năm 2018, nguyên đơn rủ bị đơn chơi 01 phần huê, hàng tháng đóng 10 triệu/ 1 tháng/ 1 phần. Tổng cộng gồm 16 người chơi, hốt chót 150 triệu, sau khi vào huê, bị đơn hốt đầu tiên được số tiền là 135 triệu. Số nợ huê chết, lẽ ra sau khi hốt huê thì bị đơn phải đóng lại 15 kỳ huê chết với số tiền 150 triệu đồng, nhưng bị đơn mới đóng nguyên đơn 11 kỳ với số tiền là 110 triệu, như vậy bị đơn còn thiếu tiền huê chết trước nguyên đơn 4 kỳ với số tiền 40 triệu đồng .

Tổng số nợ hai bên thống nhất là, bị đơn đã nợ nguyên đơn 250 triệu, trong đó có 210 triệu tiền vay và 40 triệu tiền huê . Bà M tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền theo đơn khởi kiện là 110 triệu. Đây là sự tự nguyện của bà không vi phạm pháp luật và trái với đạo đức xã hội nên HĐXX chấp nhận.

[2.1] Về số tiền mà bị đơn khai đã trả cho nguyên đơn: Trong quá trình hòa giải, bị đơn khai đã trả cho nguyên đơn số tiền 150 triệu và chỉ xác nhận còn nợ nguyên đơn 100 triệu đồng. Xét lời khai của bị đơn HĐXX nhận thấy, bị đơn khai trả nợ cho nguyên đơn 150 triệu đồng nhưng nguyên đơn chỉ thừa nhận bị đơn chỉ trả 50 triệu đồng. Do bị đơn trả nợ nhưng không có tài liệu gì chứng minh, nguyên đơn chỉ thừa nhận bị đơn đã trả nợ 50 triệu đồng do đó HĐXX xác định bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 50 triệu như nguyên đơn thừa nhận.

Tại phiên Tòa, HĐXX đã giải thích cho bà M biết về số tiền mà bà thừa nhận bà T đã trả cho bà 50 triệu để trừ vào số tiền bà T thừa nhận còn nợ 250 triệu nhưng bà M không đồng ý, bà M vẫn tiếp tục yêu cầu bà T trả 250 triệu đồng. Do đó HĐXX cần chấp nhận một phần yêu cầu nguyên đơn, buộc bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 200 triệu đồng

[3] Về trách nhiệm trả nợ: Số nợ trên được xác định là số nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bị đơn và ông Nguyễn Ngọc Ng. Tại quyết định thuận tình ly hôn số 192/2020/QĐST-NHGĐ Ngy 16/10/2020 của Tòa án nhân dân thị xã L không đề cập vấn đề

nợ chung của ông Nguyễn Ngọc Ng và bà Huỳnh Thị T. Tuy nhiên, đây là khoảng nợ chung trong thời kỳ hôn nhân do đó HĐXX cần buộc ông Nguyễn Ngọc Ng phải cùng có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn.

Về án phí, đương sự phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ: Các Điều 26, 35,39, 227, khoản 2 Điều 244 BLTTDS, Điều 288, 463,465,466,468,469, 471 BLDS năm 2015, Điều 37 Luật HN-GĐ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH Ngy 30/12/2016.

1. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M

Buộc bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn Ngọc Ng phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Trần Thị M số tiền 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng)*, trong đó gồm có 160.000.000 đồng tiền vay và 40.000.000 đồng tiền huê.

Kể từ Ngy bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Trần Thị M về việc buộc bà Huỳnh Thị T phải trả số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng)

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M về yêu cầu bà Huỳnh Thị T phải trả số tiền 110 triệu đồng.

4. Về án phí: Bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn Ngọc Ng phải chịu 10.000.000 đồng án phí DSST.

Bà Trần Thị M phải chịu 2.500.000 đồng án phí DSST về yêu cầu không được chấp nhận, được khấu trừ vào số tiền bà Trần Thị M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.000.000 đồng theo biên lai thu số 0004705 Ngy 11/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã L. Hoàn lại cho bà Trần Thị M 6.500.000 đồng tiền tạm ứng nộp thừa theo biên lai thu số 0004705 Ngy 11/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã L.

Án xử công khai, báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 Ngy kể từ Ngy tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 Ngy kể từ Ngy nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại địa phương.

Án có hiệu lực theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- Chi cục thị xã L;
- Đương sự;- Lưu VT, hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Liễu